

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Lâm Thị Hương
Ngày soạn: 19/02/2026
Lớp dạy: 10/1, 10/3, 10/7
Thời gian thực hiện: Tuần 24-25

CHỦ ĐỀ 5

BÀI 25: MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI XÂU KÍ TỰ

Môn học: Tin học lớp 10. Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết được một số phương thức làm việc với chuỗi ký tự

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

2.2 Năng lực tin học

- Thực hiện được một số phương thức làm việc với chuỗi ký tự

2.3 Phát triển các năng lực số cốt lõi

- 3.4.NC1a: HS tự thao tác được bằng các hướng dẫn (các lệnh với chuỗi) để máy tính thực hiện các nhiệm vụ trên dữ liệu văn bản.

3. Về phẩm chất

- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, Giáo án.
- Hình ảnh và tranh minh họa có liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (Thời gian ?)

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, từng bước bước vào bài học.

Khởi động trang 123 sgk tin học 10 KNTT, Quan sát các ví dụ để kiểm tra xâu con và tìm kiếm vị trí xâu con trong xâu kí tự.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	Hoạt động của HS
GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài Bài toán tìm kiếm xâu con trong một xâu là một trong những bài toán tin học được ứng dụng nhiều trong thực tế. Công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet hay lệnh tìm kiếm trong soạn thảo văn bản được xây dựng trên cơ sở bài toán tìm xâu con. GV: Cho xâu $c = \text{''Trường Sơn''}$ và Xâu $m = \text{''Bước chân trên dải Trường Sơn''}$. GV Hãy cho biết xâu C có phải là xâu con của xâu m không? Nếu có thì tìm vị trí của xâu c trong xâu m? GV yêu cầu hs trả lời GV Để kiểm tra xâu trong xâu con, tìm kiếm vị trí xâu con trong xâu kí tự hay cách tách một xâu thành một danh sách và ghép nối danh sách các xâu thành một xâu kí tự. Vậy để thực hiện được các lệnh đó như thế nào thì hôm nay cô và các em sẽ đi tìm hiểu <i>Bài 25: Một số lệnh làm việc với xâu kí tự.</i>	HS: Tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Xâu con và lệnh tìm vị trí xâu con

a. Mục tiêu: Quan sát các ví dụ sgk tr 123 tin học 10 KNTT để kiểm tra xâu con và tìm kiếm vị trí xâu con trong xâu kí tự.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân, làm việc theo cặp đôi, làm việc theo nhóm và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> GV: Nêu đặt câu hỏi	1. Xâu con và lệnh tìm vị trí xâu

? Quan sát các ví dụ như sau để tìm hiểu cách kiểm tra chuỗi con và tìm kiếm vị trí chuỗi con trong chuỗi ký tự? HS: Thảo luận, trả lời GV yêu cầu hs kiểm tra biểu thức logic sau đúng hay sai? “abc” in “123abc” “010” in “1101” HS trả lời câu hỏi Gv nhận xét GV: Đưa ra cú pháp của biểu thức kiểm tra chuỗi Gv Lệnh sau trả lại giá trị gì? “ababababab”.find(“ab”,4) HS trả lời câu hỏi GV nhận xét và chiếu đáp án lên bảng GV: Đưa ra cú pháp của biểu thức tìm vị trí chuỗi con trong chuỗi ký tự sau đó lấy ví dụ minh họa và yêu cầu HS nhận xét? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ + HS: Suy nghĩ, tham khảo sgk trả lời câu hỏi + GV: quan sát và trợ giúp các cặp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phác họa lại các tính chất. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức HS: Để tìm một chuỗi trong một chuỗi khác có thể dùng toán tử in hoặc lệnh find(). Lệnh find() trả về vị trí của	con VD1: Dùng toán tử in để kiểm tra một chuỗi có là chuỗi con của chuỗi khác không. <pre>> "abc" in "123abc" True > "010" in "1101" False</pre> Biểu thức kiểm tra <chuỗi 1> nằm trong <chuỗi 2> là: <chuỗi 1> in <chuỗi 2> Nếu đúng thì trả lại giá trị True, nếu sai trả lại giá trị False. VD2: Sử dụng lệnh Find() tìm vị trí xuất hiện của một chuỗi trong chuỗi khác <pre>> s= "ab bc cd 123 456 00" {cho chuỗi S} > s.find("b") {tìm chuỗi con "b" trong chuỗi s} 1 {vị trí xuất hiện đầu tiên của "b" trong chuỗi s là chỉ số 1} > s.find("12") 9 {vị trí tìm thấy đầu tiên của "12" trong chuỗi s là chỉ số 9} > s.find("AB") -1 {Không tìm thấy chuỗi "AB" trong chuỗi s nên trả về -1}</pre> - Một số lệnh đặc biệt dành riêng cho chuỗi ký tự (phương thức). Cách thực hiện phương thức là: <chuỗi>. <phương thức> - Cú pháp đơn của lệnh find (): <chuỗi mẹ>. find (<chuỗi con>) Lệnh sẽ tìm vị trí đầu tiên của chuỗi con trong chuỗi mẹ và trả về vị trí đó. Nếu không tìm thấy thì trả về -1. - Cú pháp đầy đủ của lệnh find (): <chuỗi mẹ>. find (<chuỗi con>, start) Lệnh sẽ tìm chuỗi con bắt đầu từ vị trí start VD3:
---	--

xâu con trong trong xâu mẹ. Câu hỏi: 1. Biểu thức logic sau là đúng hay sai? >>> “010” in “00100” 2. Lệnh sau trả lại giá trị gì? >>> “abababab”.find (“ab”, 4)	<pre>> sub = "Đà Nẵng" > s = "Hà Nội - Đà Nẵng - Hồ Chí Minh" > s.find(sub) 9 > s.find(sub,10) -1</pre> Ghi nhớ Để tìm một xâu trong một xâu khác có thể dùng toán tử in hoặc lệnh find (). Lệnh find () trả về vị trí của xâu con trong xâu mẹ.
--	---

Hoạt động 2. Một số lệnh thường dùng với xâu kí tự

a. Mục tiêu: Quan sát ví dụ sgk tr 124, 125 tin học 10 KNTT để biết cách sử dụng một số lệnh thông dùng với xâu kí tự như: split(); join().

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề;

đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân, làm việc theo cặp đôi, làm việc theo nhóm và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> GV cho 1 xâu s = “Tiên học lễ hậu học văn” <i>Y/c hs tách thành xâu</i> s=[‘tiên’, ‘học’, ‘lễ’, ‘hậu’, ‘học’, ‘văn’] <i>HS lên bảng thực hiện</i> GV nhận xét chiếu kq lên bảng Gv? Muốn tách một xâu thành danh sách các từ ta dùng lệnh nào? HS trả lời Lệnh: split() GV Đưa ra cú pháp, biểu thức của một số lệnh split() B	2.Một số lệnh thường dùng với xâu kí tự Sản phẩm 1 Ví dụ: Cho xâu s = “Tiên học lễ hậu học văn” sử dụng lệnh Split() để tách các xâu thành danh sách các từ. <pre>> s = "Tiên học lễ hậu học văn" > s.split() {Tách xâu dùng dấu cách để phân biệt tách} ['Tiên', 'học', 'lễ', 'hậu', 'học', 'văn']</pre> Cho xâu st = “0,1,2,3,4,5,6,10” sử dụng lệnh Split() để tách các xâu thành danh sách các từ. <pre>> st = "0,1,2,3,4,5,6,10" > st.split(",") {tách xâu dùng dấu , " để phân biệt tách} ['0', '1', '2', '3', '4', '5', '6', '10']</pre> <u>Cú pháp của lệnh split()</u> <xâu mẹ>.split(<kí tự tách>)

=['0','1','2','3','4','5','6','10']→ '0,1,2,3,4,5,6,10'

GV? Muốn nối danh sách gồm các từ thành một chuỗi ta dùng lệnh nào?

HS trả lời join()

GV Đưa ra cú pháp, biểu thức của một số lệnh **join()**

Bước 2. *Thực hiện nhiệm vụ*

+ HS: Suy nghĩ, tham khảo sgk trả lời câu hỏi

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

Bước 3. *Báo cáo, thảo luận*

+ HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại các tính chất.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4. *Kết luận, nhận định*

GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức

GV Python có các lệnh đặc biệt nào để xử lý chuỗi?

HS Python có các lệnh đặc biệt để xử lý chuỗi là **split()** dùng để tách chuỗi thành danh sách và lệnh **join()** dùng để nối danh sách các chuỗi thành một chuỗi

trong đó: Lệnh split() là dùng để tách một chuỗi thành các từ và đưa vào một danh sách.

Kí tự tách là dùng để phân tách các từ mặc định là dấu cách, tuy nhiên có thể thay thế kí tự tách thành kí tự khác.

Sản phẩm 2: Dùng lệnh join() nối danh sách gồm các từ thành một chuỗi

Ví dụ: cho chuỗi

A=['Tiên', 'học', 'lễ', 'hậu', 'học', 'văn']

Ghép thành chuỗi

A ='Tiên học lễ hậu học văn'

cách dùng:

```
> A = ['Tiên', 'học', 'lễ', 'hậu', 'học', 'văn']
> " ".join(A)
'Tiên học lễ hậu học văn'
```

VD 2: Cho chuỗi

B

=['0','1','2','3','4','5','6','10']→ '0,1,2,3,4,5,6,10'

cách sử dụng:

```
> B = ['0', '1', '2', '3', '4', '5', '6', '10']
> ",".join(B)
'0,1,2,3,4,5,6,10'
```

Cú pháp của lệnh Join()

“kí tự nối”.join(<danh sách>)

trong đó:

Lệnh join() có tác dụng nối các phần tử là chuỗi của một danh sách thành một chuỗi.

Hoạt động 3: Thực hành

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để làm các câu hỏi sau.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân, làm việc theo cặp đôi, làm việc theo nhóm và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> GV: Đọc SGK và cho biết các bước gỡ lỗi chương trình? HS: Thảo luận, trả lời HS: Lấy các ví dụ trong thực tế. Bước 2. <i>Thực hiện học tập</i> + HS: Suy nghĩ, tham khảo sgk trả lời câu hỏi + GV: quan sát và trợ giúp các cặp. + HS đọc SGK và trả lời câu hỏi. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại các tính chất. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức .	3. Thực hành Một số bài toán liên quan đến xâu kí tự. a. Nhiệm vụ 1: Viết chương trình nhập nhiều số nguyên từ bàn phím, các số cách nhau bởi dấu cách. Khi nhập xong thông báo số lượng các số đã nhập và in các số này thành hàng ngang. Hướng dẫn. Dữ liệu nhập vào là một xâu. Dùng lệnh <code>split()</code> để tách thành danh sách. Chuyển các phần tử danh sách này thành số và in ra màn hình. <pre data-bbox="868 920 1447 1312"> 1 s=input("nhập các số nguyên cách nhau bởi dấu cách: ") 2 sline = s.split() 3 n = len(sline) 4 nline = [] 5 for x in sline: 6 nline.append(int(x)) 7 print("bạn đã nhập",n,"số.") 8 for k in nline: 9 print(k,end = " ",' ')</pre> kq nhập các số nguyên cách nhau bởi dấu cách: 1 2 3 4 5 10 bạn đã nhập 6 số. > 1', '2', '3', '4', '5', '10', '> b. Nhiệm vụ 2: Viết chương trình nhập một xâu kí tự có thể có nhiều dấu cách giữa các từ. sau đó chỉnh sửa xâu kí tự đó sao cho giữa các từ chỉ có một dấu cách. In xâu kq ra màn hình Hướng dẫn. Chuyển xâu kí tự ban đầu thành danh sách các từ đơn bằng lệnh <code>split()</code>, sau đó nối các từ đơn này bằng lệnh <code>join()</code>.

```

1 s=input("nhập đoạn văn bản \n: ")
2 sline = s.split()
3 skq = " ".join(sline)
4 print(skq)

```

kq

```

nhập đoạn văn bản
: tiên học lễ hậu học văn
tiên,học,lễ,hậu,học,văn

```

c. Nhiệm vụ 3:

Viết chương trình nhập số tự nhiên n, rồi nhập họ tên của n học sinh. Sau đó in ra danh sách tên học sinh theo hai cột, cột 1 là tên, cột 2 là học đệm.

Hướng dẫn. Họ tên ban đầu tách ra thành tên và họ đệm bằng lệnh split(). Các tên được đưa vào danh sách ten, các họ đệm được đưa vào danh sách hodem. Sau đó in ra danh sách theo yêu cầu.

```

1 n = int(input("Nhập số học sinh trong lớp: "))
2 ten = [ ]
3 hodem = [ ]
4 for i in range(n):
5     s = input("Nhập họ tên học sinh thứ "+str(i+1)+" : ")
6     sline = s.split()
7     m = len(sline) - 1
8     ten.append(sline[m])
9     del sline[m]
10    hodem.append(" ".join(sline))
11 print("Danh sách học sinh:")
12 for i in range(n):
13     print(ten[i], hodem[i])

```

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian ?)

a. Mục tiêu

- Luyện tập, củng cố kiến thức đã học về chuỗi ký tự

b. Nội dung

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số bài tập đơn giản liên quan đến chuỗi ký tự
- Giải 2 bài tập ở sgk trang 126

c. Sản phẩm

- Chương trình giải quyết 2 bài tập sgk.

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> - GV chia HS thành 2 nhóm, yêu cầu HS đọc mục thực hành SGK tr.126 và thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1: <i>Thực hiện bài tập 1</i> + Nhóm 2: <i>Thực hiện bài tập 2</i> Bước 2. <i>Thực hiện học tập</i> - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	4. Luyện tập Bài tập 1: <i>Viết chương trình nhập nhiều số (số nguyên hoặc số thực) từ bàn phím, các số cách nhau bởi dấu cách. Sau đó in ra màn hình tổng các số vừa nhập.</i> <pre>s= input("Nhập các số nguyên cách nhau bởi dấu cách:") sline=s.split() n=len(sline) nline=[] for x in sline: nline.append(int(x)) t=0 for k in nline: t=t+k print("Tổng các số vừa nhập là:", t)</pre> Kq: <pre>Nhập các số nguyên cách nhau bởi dấu cách: 1 2 6 7 Tổng các số vừa nhập là: 16</pre> Bài tập 2: <i>Viết chương trình nhập họ tên đầy đủ của người dùng, sau đó in thông báo tên và họ đệm của người đó.</i> <pre>s=input("Nhập họ tên học sinh:") sline=s.split() m = len(sline)-1 print("Tên học sinh là:",sline[m]) del sline[m] print("Họ đệm là:", " ".join(sline))</pre> kq <pre>Nhập họ tên học sinh: Nguyễn Thị Dung Tên học sinh là: Dung Họ đệm là: Nguyễn Thị</pre>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

b. Nội dung:.

c. Sản phẩm: HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Gv đưa câu hỏi về nhà:

1. Viết chương trình nhập hai số tự nhiên từ bàn phím, cách nhau bởi dấu cách và đưa ra kết quả là UCLN của hai số này.

2. Viết chương trình nhập số tự nhiên n rồi nhập n họ tên học sinh. Sau đó yêu cầu nhập một tên và thông báo số bạn có cùng tên đó trong lớp.

E. Hướng dẫn học sinh tự học:

- Hướng dẫn học bài cũ:

- Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: